

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN HÒA THÀNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 88/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Trúc Đào**

*Các hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Bùi Dân An**

2- Ông **Lê Văn Thuận**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Hoàng Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 523/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lữ Thị Thúy D**, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt); địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ nơi cư trú hiện nay: Số 10A, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1985 (Vắng mặt); địa chỉ: Số 10A, ấp N, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lữ Thị Thúy D trình bày:***

Chị D và anh T chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Hòa Thành, hôn nhân tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do chị D làm thảo hụi thua lỗ, kinh tế và công việc khó khăn nhưng anh T không chia sẻ và bỏ mặc chị, từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể khắc phục. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Thiên T, sinh ngày 07.4.2011 và Nguyễn Thiên T, sinh ngày 13.3.2015 hiện đang sống với chị D, sau khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi con chung 1.250.000 đồng, hai con chung là 2.500.000 đồng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.***

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định đại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D. Về con chung: đề nghị giao hai con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận mức đề nghị cấp dưỡng nuôi con của

chị D; tài sản chung và nợ chung chị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh T cư trú tại ấp N, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về hôn nhân:** Chị D và anh T chung sống với nhau từ năm 2010, có thực hiện việc đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị D yêu cầu xin ly hôn do không hạnh phúc trong hôn nhân, vợ chồng từ lâu đã không còn quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau, tuy còn sống cùng địa chỉ nhưng tình cảm vợ chồng phai nhạt. Mặt khác, vào năm 2018 chị D từng nộp hồ sơ xin ly hôn nhưng đã rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 225/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11.9.2018, đến nay chị D tiếp tục có đơn xin ly hôn với anh T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh T vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân của anh chị. Do vậy, yêu cầu được ly hôn chị D là có căn cứ chấp nhận.

**[3] Về con chung:** Chị D yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thiên T, sinh ngày 07.4.2011 và cháu Nguyễn Thiên T, sinh ngày 13.3.2015. Nhận thấy hai con chung của anh chị còn nhỏ, cháu Tường cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, giao cả hai con chung cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp, nên yêu cầu về việc nuôi con của chị D được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi con chung 1.250.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung đủ 18

tuổi. Xét yêu cầu của chị D là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lữ Thị Thúy D.

Chị Lữ Thị Thúy D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiên T, sinh ngày 07.4.2011 và cháu Nguyễn Thiên T, sinh ngày 13.3.2015 cho chị Lữ Thị Thúy D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Buộc anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu T và cháu T, hàng tháng mỗi cháu 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng cho đến khi cháu T và cháu T đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày 16.12.2019.

*Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.*

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lữ Thị Thúy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013658 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị D đã nộp xong án phí.

Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị D, anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**Lê Thị Trúc Đào**